THỜI KHÓA BIỂU VIỆT NHẬT - ICT HỌC KỲ 20162 - NGÀY 26/12/2016

Mã lớp	Mã HP	Tên HP	Ghi chú	Buổi số	Tuần	Thứ	Bắt đầu	Kết thúc	Kíp	Phòng	Loại lớp	SL Max	Cần T	Đợt mở	Trạng thái
81794	IT4042	Trí tuệ nhân tạo	*VN(AS)-K58S	1	22, 25-31,33-40	4	0645	0820	Sáng	D9-404	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81795	IT4442	Giao diện người dùng	*VN(AS)-K58S	1	22, 25-31,33-40	5	0830	1005	Sáng	D9-404	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81796	IT4612	Hệ phân tán	*VN(IS)-K58C	1	22, 25-31,33-40	4	1230	1405	Chiều	D9-401	LT+BT	100		AB	Đăng ký chính thức
81797	IT4682	Truyền thông đa phương tiện	*VN(IS)-K58S	1	33-40	5	0830	1005	Sáng	D9-401	LT+BT	100		B	Đăng ký chính thức
81798	IT4946	Linux hệ nhúng theo chuẩn kỹ năng ITSS	*VN(IS1)-K58S	1	22, 25-31,33-40	4	0830	1150	Sáng	TVTQB-813	LT+BT	45		AB	Đăng ký chính thức
81799	IT4946	Linux hệ nhúng theo chuẩn kỹ năng ITSS	*VN(IS2)-K58C	1	22, 25-31,33-40	3	1415	1735	Chiều	TVTQB-813	LT+BT	45		AB	Đăng ký chính thức
81800	IT4947	Quản trị dự án hệ nhúng theo chuẩn kỹ năng ITSS	*VN(AS)-K58S	1	22, 25-31,33-40	4	0830	1150	Sáng	TVTQB-812	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81801	JP2220	Tiếng Nhật 8	*VN-1-K58S	1	22, 25-31,33-40	6	0830	1005	Sáng	D9-402	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81802	JP2220	Tiếng Nhật 8	*VN-2-K58S	1	22, 25-31,33-40	6	0830	1005	Sáng	D9-403	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81803	JP2220	Tiếng Nhật 8	*VN-3-K58S	1	22, 25-31,33-40	6	1015	1150	Sáng	D9-402	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81804	JP2220	Tiếng Nhật 8	*VN-4-K58S	1	22, 25-31,33-40	6	1015	1150	Sáng	D9-403	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81805	JP3120	Tiếng Nhật chuyên ngành 2	*VN-1-K58S	1	22, 25-31,33-40	3	0830	1105	Sáng	TVTQB-813	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81806	JP3120	Tiếng Nhật chuyên ngành 2	*VN-2-K58C	1	22, 25-31,33-40	3	1320	1645	Chiều	TVTQB-813	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81807	JP3120	Tiếng Nhật chuyên ngành 2	*VN-3-K58C	1	22, 25-31,33-40	6	1320	1645	Chiều	TVTQB-813	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81808	JP3120	Tiếng Nhật chuyên ngành 2	*VN-4-K58C	1	22, 25-31,33-40	5	1320	1645	Chiều	TVTQB-813	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81809	SSH1050	Tư tưởng HCM	*VN-K58S	1	22, 25-31,33-40	2	0645	0915	Sáng	D9-501	LT+BT	140		AB	Đăng ký chính thức
81810	IT3102	Lý thuyết và ngôn ngữ hướng đối tượng	*VN(LT)-K59C	1	22, 25-31,33-40	2	1230	1405	Chiều	D9-501	LT	140		AB	Đăng ký chính thức
81811	IT3102	Lý thuyết và ngôn ngữ hướng đối tượng	*VN-A-K59S	1	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	TVTQB-812	BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81812	IT3102	Lý thuyết và ngôn ngữ hướng đối tượng	*VN-B-K59C	1	22, 25-31,33-40	2	1600	1735	Chiều	TVTQB-812	BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81813	IT3102	Lý thuyết và ngôn ngữ hướng đối tượng	*VN-C-K59C	1	22, 25-31,33-40	2	1415	1550	Chiều	TVTQB-812	BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81814	IT3280	Thực hành kiến trúc máy tính	*VN-A-K59S	1	22, 25-31,33-40	3	0830	1150	Sáng	TVTQB-811	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81815	IT3280	Thực hành kiến trúc máy tính	*VN-B-K59S	1	22, 25-31,33-40	3	0830	1150	Sáng	TVTQB-812	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81816	IT3280	Thực hành kiến trúc máy tính	*VN-C-K59S	1	22, 25-31,33-40	5	0830	1150	Sáng	TVTQB-811	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81817	IT3282	Kiến trúc máy tính	*VN-K59S	1	22, 25-31,33-40	3	0645	0820	Sáng	D9-401	LT+BT	140		AB	Đăng ký chính thức
81818	IT3322	Xây dựng chương trình dịch	*VN-K59C	1	22, 25-31,33-40	5	1230	1405	Chiều	D9-401	LT+BT	140		AB	Đăng ký chính thức
81819	IT4182	Thực hành xây dựng chương trình dịch	*VN-A-K59C	1	22, 25-31,33-40	6	1230	1550	Chiều	TVTQB-811	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81820	IT4182	Thực hành xây dựng chương trình dịch	*VN-B-K59C	1	22, 25-31,33-40	6	1230	1550	Chiều	TVTQB-812	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81821	IT4182	Thực hành xây dựng chương trình dịch	*VN-C-K59C	1	22, 25-31,33-40	5	1415	1735	Chiều	TVTQB-811	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81822	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-1-K59S	1	22, 25-31,33-40	2	0830	1150	Sáng	D9-502	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81822	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-1-K59S	2	22, 25-31,33-40	4	0830	1150	Sáng	D9-502	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81823	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-2-K59S	1	22, 25-31,33-40	2	0830	1150	Sáng	D9-503	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81823	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-2-K59S	2	22, 25-31,33-40	4	0830	1150	Sáng	D9-503	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81824	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-3-K59S	1	22, 25-31,33-40	2	0830	1150	Sáng	D9-504	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81824	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-3-K59S	2	22, 25-31,33-40	4	0830	1150	Sáng	D9-504	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81825	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-4-K59S	1	22, 25-31,33-40	2	0830	1150	Sáng	D9-505	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81825	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-4-K59S	2	22, 25-31,33-40	4	0830	1150	Sáng	D9-505	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81826	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-5-K59S	1	22, 25-31,33-40	2	0830	1150	Sáng	D9-506	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81826	JP2131	Tiếng Nhật 6	*VN-5-K59S	2	22, 25-31,33-40	4	0830	1150	Sáng	D9-506	LT+BT	35		AB	Đăng ký chính thức
81827	SSH1120	Những NLCB của CNML II	*VN-K59S	1	22, 25-31,33-40	5	0645	0820	Sáng	D9-501	LT	140		AB	Đăng ký chính thức
81828	SSH1120	Những NLCB của CNML II	*VN-A-K59S	1	25,27,29,31,33,35,37,39	5	0830	1005	Sáng	D9-502	BT	45		AB	Đăng ký chính thức
81829	SSH1120	Những NLCB của CNML II	*VN-B-K59S	1	25,27,29,31,33,35,37,39	5	1015	1150	Sáng	D9-502	BT	45		AB	Đăng ký chính thức
81830	SSH1120	Những NLCB của CNML II	*VN-C-K59S	1	25,27,29,31,33,35,37,39	6	0830	1005	Sáng	D9-502	BT	45		AB	Đăng ký chính thức
81831	SSH1170	Pháp luật đại cương	*VN-K59S	1	22, 25-31,33-40	4	0645	0820	Sáng	D9-501	LT+BT	140		AB	Đăng ký chính thức
81832	EE2010	Kỹ thuật điện	*VN-K60C	1	22, 25-31,33-40	4	1230	1500	Chiều	D9-501	LT+BT	120		AB	Đăng ký chính thức
81833	IT3022	Toán rời rạc	*VN-K60S	1	22, 25-31,33-40	5	0645	0820	Sáng	D9-401	LT+BT	120		AB	Đăng ký chính thức
81834	IT3072	Hệ điều hành	*VN-K60C	1	22, 25-31,33-40	6	1230	1405	Chiều	D9-401	LT+BT	120		AB	Đăng ký chính thức
81835	IT3082	Mạng máy tính	*VN-K60C	1	22, 25-31,33-40	3	1230	1405	Chiều	D9-401	LT+BT	120		AB	Đăng ký chính thức
81836	IT3240	Lập trình C (nâng cao)	*VN-A-K60S	1	22, 25-31,33-40	6	0830	1150	Sáng	TVTQB-811	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81837	IT3240	Lập trình C (nâng cao)	*VN-B-K60S	1	22, 25-31,33-40	6	0830	1150	Sáng	TVTQB-812	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81838	IT3240	Lập trình C (nâng cao)	*VN-C-K60S	1	22, 25-31,33-40	6	0830	1150	Sáng	TVTQB-813	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81839	IT4082	Kỹ thuật phần mềm	*VN-K60C	1	22, 25-31,33-40	2	1230	1405	Chiều	D9-401	LT+BT	120		AB	Đăng ký chính thức
81840	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-1-K60S	1	22, 25-31,33-40	3	1015	1150	Sáng	D9-402	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức
81840	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-1-K60S	2	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	D9-402	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức
81841	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-2-K60S	1	22, 25-31,33-40	3	1015	1150	Sáng	D9-403	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức
81841	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-2-K60S	2	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	D9-403	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức
81842	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-3-K60S	1	22, 25-31,33-40	3	1015	1150	Sáng	D9-503	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức
81842	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-3-K60S	2	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	D9-503	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức
81843	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-4-K60S	1	22, 25-31,33-40	3	1015	1150	Sáng	D9-504	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức
81843	JP2110	Tiếng Nhật 4	*VN-4-K60S	2	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	D9-504	LT+BT	30		AB	Đăng ký chính thức

Mã lớp	Mã HP	Tên HP	Ghi chú	Buổi số	Tuần	Thứ	Bắt đầu	Kết thúc	Kíp	Phòng	Loại lớp	SL Max	Cần T	Đợt mở	Trạng thái
81844	MI1042	Math IV	*VN(LT)-K60S	1	22, 25-31,33-40	4	0645	0820	Sáng	D9-401	LT	120		AB	Đăng ký chính thức
81845	MI1042	Math IV	*VN-A-K60S	1	22, 25-31,33-40	5	0830	1005	Sáng	D9-503	BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81846	MI1042	Math IV	*VN-B-K60S	1	22, 25-31,33-40	4	0830	1005	Sáng	D9-403	BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81847	MI1042	Math IV	*VN-C-K60S	1	22, 25-31,33-40	4	1015	1150	Sáng	D9-403	BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81848	MI2027	Lý thuyết xác suất	*VN-K60S	1	22, 25-31,33-40	3	0830	1005	Sáng	D9-401	LT+BT	120		AB	Đăng ký chính thức
81849	IT3402E	Web Information System	*ICT-K58C	1	22, 25-31,33-40	5	1230	1405	Chiều	D9-503	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81850	IT4612E	Distributed System	*ICT-K58C	1	22, 25-31,33-40	5	1600	1735	Chiều	D9-503	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81851	IT4682E	Multimedia Communication	*ICT-K58C	1	22, 25-31,33-40	3	1230	1405	Chiều	D9-503	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81852	IT4042E	Artificial Intelligence	*ICT-K58C	1	22, 25-31,33-40	5	1415	1550	Chiều	D9-503	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81853	IT4442E	Human Interface	*ICT-K58S	1	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	D9-405	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81854	IT4552E	Web Programming	*ICT-K58S	1	22, 25-31,33-40	3	0830	1150	Sáng	TVTQB-814	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81855	IT4062E	Network Programming	*ICT-K58C	1	22, 25-31,33-40	4	1230	1550	Chiều	TVTQB-814	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81856	IT4947E	ITSS Project Management for Embedded System	*ICT-K58C	1	33-40	2	1230	1550	Chiều		LT+BT	60		B	Đăng ký chính thức
81856	IT4947E	ITSS Project Management for Embedded System	*ICT-K58S	1	33-40	6	0830	1150	Sáng		LT+BT	60		B	Đăng ký chính thức
81857	IT4082E	Software Engineering	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	6	0830	1005	Sáng	D9-407	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81858	IT3072E	Operating Systems	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	6	0645	0820	Sáng	D9-407	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81859	IT3082E	Computer Network	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	4	0830	1005	Sáng	D9-407	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81860	IT3102E	Object-Oriented Language and Theory (Java)	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	3	0645	0820	Sáng	D9-407	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81860	IT3102E	Object-Oriented Language and Theory (Java)	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	4	0645	0820	Sáng	TVTQB-814	LT+BT	45		AB	Đăng ký chính thức
81861	IT3280E	Assembly Language and Computer Architecture Lab	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	5	0645	1005	Sáng	TVTQB-814	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81862	IT3282E	Computer Architecture	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	D9-407	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81863	IT3290E	Database Lab	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	2	0830	1150	Sáng	TVTQB-814	LT+BT	45		AB	Đăng ký chính thức
81864	IT3292E	Database	*ICT-K59S	1	22, 25-31,33-40	4	1015	1150	Sáng	D9-407	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81865	ET2015	Electronics	*ICT-K60C	1	22, 25-31,33-40	3	1230	1550	Chiều	D9-502	LT+BT	60	TN	AB	Đăng ký chính thức
81866	IT3230E	Data Structures and Algorithms Basic Lab	*ICT-K60C	1	22, 25-31,33-40	6	1415	1735	Chiều	TVTQB-814	LT+BT	40		AB	Đăng ký chính thức
81867	IT3312E	Data Structures & Algorithms	*ICT-K60S	1	22, 25-31,33-40	5	1015	1150	Sáng	D9-406	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81868	MI1032	Math III	*ICT-K60S	1	22, 25-31,33-40	5	0645	0820	Sáng	D9-406	LT	60		AB	Đăng ký chính thức
81869	MI1032	Math III	*ICT-K60S	1	22, 25-31,33-40	5	0830	1005	Sáng	D9-406	BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81870	PH1028	Physics II	*ICT-K60S	1	22, 25-31,33-40	2	0830	1150	Sáng	D9-402	LT+BT	60	TN	AB	Đăng ký chính thức
81871	SSH1130	Đường lối CM của ĐCSVN	*ICT-K60S	1	22, 25-31,33-40	4	0830	1100	Sáng	D9-406	LT+BT	60		AB	Đăng ký chính thức
81872	IT3210	C Programming Language	*VN-K61S	1	25-32,34-40	2	0645	0820	Sáng	D9-401	LT+BT	140		AB	Đang xếp TKB
81873	IT3220	C Programming (Introduction)	*VN-A-K61C	1	25-32,34-40	3	1415	1735	Chiều	TVTQB-811	LT+BT	50		AB	Đang xếp TKB
81874	IT3220	C Programming (Introduction)	*VN-B-K61S	1	25-32,34-40	2	0830	1150	Sáng	TVTQB-812	LT+BT	50		AB	Đang xếp TKB
81875	IT3220	C Programming (Introduction)	*VN-C-K61S	1	25-32,34-40	5	0830	1150	Sáng	TVTQB-813	LT+BT	50		AB	Đang xếp TKB
81876	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-1-K61C	1	25-32,34-40	2	1230	1405	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81876	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-1-K61C	2	25-32,34-40	3	1230	1405	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81876	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-1-K61C	3	25-32,34-40	4	1230	1405	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81876	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-1-K61C	4	25-32,34-40	5	1230	1405	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81876	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-1-K61C	5	25-32,34-40	6	1230	1405	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81877	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-2-K61C	1	25-32,34-40	2	1230	1405	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81877	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-2-K61C	2	25-32,34-40	3	1230	1405	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81877	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-2-K61C	3	25-32,34-40	4	1230	1405	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81877	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-2-K61C	4	25-32,34-40	5	1230	1405	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81877	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-2-K61C	5	25-32,34-40	6	1230	1405	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81878	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-3-K61C	1	25-32,34-40	2	1230	1405	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81878	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-3-K61C	2	25-32,34-40	3	1230	1405	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81878	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-3-K61C	3	25-32,34-40	4	1230	1405	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81878	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-3-K61C	4	25-32,34-40	5	1230	1405	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81878	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-3-K61C	5	25-32,34-40	6	1230	1405	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81879	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-4-K61C	1	25-32,34-40	2	1415	1550	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81879	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-4-K61C	2	25-32,34-40	3	1415	1550	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81879	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-4-K61C	3	25-32,34-40	4	1415	1550	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81879	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-4-K61C	4	25-32,34-40	5	1415	1550	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81879	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-4-K61C	5	25-32,34-40	6	1415	1550	Chiều	D9-402	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81880	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-5-K61C	1	25-32,34-40	2	1415	1550	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81880	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-5-K61C	2	25-32,34-40	3	1415	1550	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81880	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-5-K61C	3	25-32,34-40	4	1415	1550	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81880	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-5-K61C	4	25-32,34-40	5	1415	1550	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81880	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-5-K61C	5	25-32,34-40	6	1415	1550	Chiều	D9-403	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81881	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-6-K61C	1	25-32,34-40	2	1415	1550	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81881	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-6-K61C	2	25-32,34-40	3	1415	1550	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81881	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-6-K61C	3	25-32,34-40	4	1415	1550	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB

Mã lớp	Mã HP	Tên HP	Ghi chú	Buổi số	Tuần	Thứ	Bắt đầu	Kết thúc	Kíp	Phòng	Loại lớp	SL Max	Cần T	Đợt mở	Trạng thái
81881	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-6-K61C	4	25-32,34-40	5	1415	1550	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81881	JP1120	Tiếng Nhật 2	*VN-6-K61C	5	25-32,34-40	6	1415	1550	Chiều	D9-404	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81882	MI1022	Math II	*VN(LT)-K61S	1	25-32,34-40	3	0645	0820	Sáng	D9-501	LT	140		AB	Đang xếp TKB
81883	MI1022	Math II	*VN-A-K61S	1	25-32,34-40	3	0830	1005	Sáng	D9-502	BT	50		AB	Đang xếp TKB
81884	MI1022	Math II	*VN-B-K61S	1	25-32,34-40	3	0830	1005	Sáng	D9-503	BT	50		AB	Đang xếp TKB
81885	MI1022	Math II	*VN-C-K61S	1	25-32,34-40	3	1015	1150	Sáng	D9-505	BT	50		AB	Đang xếp TKB
81886	MIL1120	Công tác quốc phòng-An ninh	*VN-ICT-K61S	1	25-32,34-40	4	0920	1150	Sáng	D9-401	LT+BT	140		AB	Đang xếp TKB
81888	PH1027	Vật lý	*VN-K61S	1	25-32,34-40	6	0830	1150	Sáng	D9-401	LT+BT	140		AB	Đang xếp TKB
81889	FL1026	Kỹ năng nói TA II	*ICT-1-K61S	1	25-32,34-40	2	0830	1005	Sáng	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81889	FL1026	Kỹ năng nói TA II	*ICT-1-K61C	2	25-32,34-40	3	1600	1735	Chiều	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81890	FL1026	Kỹ năng nói TA II	*ICT-2-K61C	1	25-32,34-40	3	1230	1405	Chiều	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81890	FL1026	Kỹ năng nói TA II	*ICT-2-K61C	2	25-32,34-40	5	1415	1550	Chiều	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81891	FL1026	Kỹ năng nói TA II	*ICT-3-K61S	1	25-32,34-40	2	1015	1150	Sáng	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81891	FL1026	Kỹ năng nói TA II	*ICT-3-K61C	2	25-32,34-40	3	1415	1550	Chiều	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81892	FL1027	Kỹ năng nghe TA II	*ICT-1-K61C	1	25-32,34-40	3	1230	1405	Chiều	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81892	FL1027	Kỹ năng nghe TA II	*ICT-1-K61C	2	25-32,34-40	4	1600	1735	Chiều	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81893	FL1027	Kỹ năng nghe TA II	*ICT-2-K61S	1	25-32,34-40	2	0645	0820	Sáng	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81893	FL1027	Kỹ năng nghe TA II	*ICT-2-K61C	2	25-32,34-40	3	1415	1550	Chiều	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81894	FL1027	Kỹ năng nghe TA II	*ICT-3-K61S	1	25-32,34-40	2	0645	0820	Sáng	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81894	FL1027	Kỹ năng nghe TA II	*ICT-3-K61C	2	25-32,34-40	4	1415	1550	Chiều	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81895	FL1028	Kỹ năng đọc TA II	*ICT-1-K61S	1	25-32,34-40	2	0645	0820	Sáng	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81895	FL1028	Kỹ năng đọc TA II	*ICT-1-K61C	2	25-32,34-40	5	1415	1550	Chiều	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81896	FL1028	Kỹ năng đọc TA II	*ICT-2-K61C	1	25-32,34-40	4	1415	1550	Chiều	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81896	FL1028	Kỹ năng đọc TA II	*ICT-2-K61C	2	25-32,34-40	5	1600	1735	Chiều	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81897	FL1028	Kỹ năng đọc TA II	*ICT-3-K61S	1	25-32,34-40	2	0830	1005	Sáng	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81897	FL1028	Kỹ năng đọc TA II	*ICT-3-K61C	2	25-32,34-40	4	1600	1735	Chiều	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81898	FL1029	Kỹ năng viết TA II	*ICT-1-K61C	1	25-32,34-40	3	1415	1550	Chiều	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81898	FL1029	Kỹ năng viết TA II	*ICT-1-K61C	2	25-32,34-40	5	1600	1735	Chiều	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81899	FL1029	Kỹ năng viết TA II	*ICT-2-K61S	1	25-32,34-40	2	1015	1150	Sáng	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81899	FL1029	Kỹ năng viết TA II	*ICT-2-K61C	2	25-32,34-40	3	1600	1735	Chiều	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81900	FL1029	Kỹ năng viết TA II	*ICT-3-K61C	1	25-32,34-40	3	1230	1405	Chiều	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81900	FL1029	Kỹ năng viết TA II	*ICT-3-K61C	2	25-32,34-40	5	1415	1550	Chiều	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81901	FL1031	Kỹ năng tổng hợp II	*ICT-1-K61S	1	25-32,34-40	2	1015	1150	Sáng	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81901	FL1031	Kỹ năng tổng hợp II	*ICT-1-K61C	2	25-32,34-40	4	1415	1550	Chiều	D9-405	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81902	FL1031	Kỹ năng tổng hợp II	*ICT-2-K61S	1	25-32,34-40	2	0830	1005	Sáng	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81902	FL1031	Kỹ năng tổng hợp II	*ICT-2-K61C	2	25-32,34-40	4	1600	1735	Chiều	D9-406	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81903	FL1031	Kỹ năng tổng hợp II	*ICT-3-K61C	1	25-32,34-40	3	1600	1735	Chiều	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81903	FL1031	Kỹ năng tổng hợp II	*ICT-3-K61C	2	25-32,34-40	5	1600	1735	Chiều	D9-407	LT+BT	25		AB	Đang xếp TKB
81904	IT2110	Nhập môn CNTT và TT	*ICT-K61C	1	25-32,34-40	5	1230	1405	Chiều	D9-406	LT+BT	60		AB	Đang xếp TKB
81905	IT2120	Kiến thức máy tính	*ICT-1-K61C	1	25-32,34-40	2	1415	1735	Chiều	TVTQB-813	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81906	IT2120	Kiến thức máy tính	*ICT-2-K61C	1	25-32,34-40	2	1415	1735	Chiều	TVTQB-814	LT+BT	30		AB	Đang xếp TKB
81908	SSH1120	Những NLCB của CNML II	*ICT-K61C	1	25-32,34-40	6	1230	1500	Chiều	D9-406	LT+BT	80		AB	Đang xếp TKB